

Đào tạo theo phương thức tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 17/01/2025 | Ngày phản biện: 18/01/2025 | Ngày xuất bản: 20/01/2025

Tác giả: Trần Thanh Giang (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Sau hơn 10 năm thực hiện, phương thức đào tạo tín chỉ đã khẳng định được sự ưu trội, hiệu quả và hiện đại của nó so với phương thức đào tạo theo niên chế. Tuy nhiên vì là phương thức đào tạo mới được áp dụng cho nên không tránh khỏi những khó khăn, thách thức, hạn chế cần phải vượt qua. Bài viết của tác giả góp phần luận giải để có một cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn cả về lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả phương thức đào tạo tín chỉ trong các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng ở nước ta hiện nay.

Cách đây khoảng chừng 30 - 35 năm ở Việt Nam khi nói đến đào tạo theo phương thức tín chỉ, học chế tín chỉ là một điều gì đó rất lạ lẫm, mới mẻ. Trường đại học đầu tiên thực hiện chuyển đổi sang đào tạo theo phương thức tín chỉ thay cho đào tạo niên chế là trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh (1993). Vài năm sau đó, có thêm một số trường đại học áp dụng thí điểm đào tạo theo phương thức tín chỉ. Năm 2005 Chính phủ ban hành Nghị quyết về "Đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020"⁽¹⁾, trong đó khẳng định: xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học ở nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ⁽²⁾.

Năm học 2008 - 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức yêu cầu các trường đại học và cao đẳng chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ vào năm học 2009 - 2010 hoặc muộn nhất là năm học 2010 - 2011. Hiện nay theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: "Cơ sở đào tạo được lựa chọn, áp dụng phương thức tổ chức đào tạo như sau: a) Đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo; b) Đào tạo niên chế, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo;

c) Áp dụng đào tạo theo tín chỉ cho một số khóa hoặc cho một hình thức đào tạo; áp dụng theo niên chế cho một số khóa hoặc hình thức đào tạo”(3).

Như vậy, quy định hiện nay có tính mở cho các trường trong việc lựa chọn, quyết định áp dụng phương thức đào tạo. Tuy nhiên trên thực tế gần như toàn bộ các cơ sở giáo dục đại học đã lựa chọn áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ. Điều này cho thấy giáo dục đại học Việt Nam đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ, đó cũng là tất yếu để thích ứng với phương thức đào tạo hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay.

1. Một số nét khái quát về bản chất của tín chỉ và đặc điểm của phương thức đào tạo theo tín chỉ

Tổ chức đào tạo theo phương thức tín chỉ có nguồn gốc hình thành và phát triển từ nước Mỹ. Từ những năm 70 của Thế kỷ XIX, xuất phát từ nhu cầu ghi nhận và thuyết minh một cách rõ ràng kết quả, khả năng, năng lực học tập của học sinh trung học phổ thông (THPT) có nguyện vọng ghi danh xét tuyển vào các trường đại học ngày càng tăng, bộ phận quản lý đào tạo của một số trường đại học ở Mỹ đã hình thành ý tưởng thiết kế và định hình hệ thống tín chỉ phù hợp với yêu cầu riêng của mỗi trường.

Qua thời gian, hệ thống tín chỉ với mục tiêu đo lường kết quả, khả năng, năng lực học tập của học sinh THPT được áp dụng vào đào tạo cho sinh viên đại học để ghi nhận điểm số học tập của mỗi học phần và dần dần được mở rộng áp dụng đối với tất cả học phần trong chương trình đào tạo, là đơn vị đo lường, lượng hoá kết quả tích lũy quá trình học tập của toàn bộ chương trình đào tạo đại học của sinh viên và chính thức trở thành một phương thức đào tạo mới đối với các trường đại học học ở Mỹ. Với những ưu điểm vượt trội so với phương thức đào tạo cũ, đào tạo theo phương thức tín chỉ nhanh chóng được áp dụng rộng rãi sang các nước châu Âu, sau đó là châu Á. Đến nay phương thức đào tạo theo tín chỉ vẫn được thực hiện phổ biến ở các trường đại học trên thế giới.

Có lịch sử tồn tại từ hơn một trăm năm trước, song hiểu về tín chỉ như thế nào đến nay còn có nhiều ý kiến chưa thống nhất. Hiện nay có đến vài chục định nghĩa về tín chỉ, mỗi định nghĩa tiếp cận tín chỉ ở khía cạnh khác nhau. Theo một cách hiểu khái quát, tín chỉ là một đơn vị đo lường khối lượng công việc học tập tương ứng với khoảng thời

gian cần thiết (học tập bao gồm cả kiến thức, kỹ năng; thời gian học tập bao gồm: trên lớp, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện; tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên...) người học phải tích lũy đối với một học phần, chương trình đào tạo.

Như vậy, tín chỉ biểu thị khối lượng thời gian và công việc mà sinh viên cần phải hoàn thành để đạt được mục tiêu học tập. Mỗi môn học trong chương trình đào tạo đại học được quy định tương ứng một số lượng tín chỉ cụ thể. Hệ thống tín chỉ giúp quản lý và xác định rõ yêu cầu học tập, tích lũy kết quả học tập, và kiểm tra - đánh giá mức độ hoàn thành chương trình đào tạo. Nó cũng thuận lợi cho việc chuyển tiếp tín chỉ giữa các học phần, chương trình đào tạo.

Về bản chất, phương thức đào tạo theo tín chỉ là phương pháp, cách thức tổ chức và quản lý thực hiện chương trình đào tạo hoặc khóa học theo hệ thống tín chỉ, các môn học của chương trình đào tạo hoặc khóa học được chia thành các đơn vị tín chỉ, người học đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo. Phương thức đào tạo theo tín chỉ có đặc tính lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động của người học trong lựa chọn, thiết lập kế hoạch học tập, hoàn thành khóa đào tạo.

Đặc điểm cơ bản của phương pháp đào tạo theo tín chỉ đó là:

(1) Linh hoạt và tự chủ: Sinh viên có sự linh hoạt trong việc lựa chọn môn học theo sở thích và mục tiêu học tập của mình. Họ có thể tự chủ xây dựng lộ trình học tập phù hợp với nhu cầu cá nhân.

(2) Tích hợp kiến thức: Phương thức đào tạo này cho phép sinh viên tích hợp và áp dụng kiến thức từ các môn học khác nhau vào các ngành học hoặc chuyên ngành của mình; do đó, giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về lĩnh vực học tập và phát triển kỹ năng đa ngành.

(3) Tự học và nghiên cứu: Sinh viên được khuyến khích phát triển kỹ năng tự học và nghiên cứu độc lập. Họ phải đảm nhận trách nhiệm cá nhân trong việc tìm hiểu, thu thập thông tin và nghiên cứu để đạt được mục tiêu học tập.

(4) Kiểm tra - đánh giá linh hoạt: Hình thức kiểm tra - đánh giá trong phương thức đào tạo tín chỉ thường linh hoạt và đa dạng. Ngoài hình thức kiểm tra - đánh giá như đào tạo truyền thống, còn có các hình thức kiểm tra - đánh giá khác như: bài tập, dự án, thuyết trình, thực hành, hoạt động nhóm... và hoạt động kiểm tra - đánh giá được thực hiện liên tục trong suốt quá trình học tập học phần.

(5) Chuyển đổi và công nhận tín chỉ: Sinh viên có thể chuyển đổi và được công nhận tín chỉ học tập từ các trường khác nhau. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên chuyển tiếp giữa các chương trình học và trường đại học khác nhau mà không phải học lại, thi lại những học phần đã học.

(6) Học tập chủ động và linh hoạt: Sinh viên có thể lựa chọn thời gian học tập, số lượng học phần trong mỗi kỳ, và tốc độ, tiến độ học tập của chương trình đào tạo (có thể học vượt hoặc kéo dài thời gian học) phù hợp với khả năng và điều kiện cá nhân. Điều này cho phép sinh viên chủ động trong sử dụng, bố trí thời gian cho học tập và các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, phát triển thể chất và các kỹ năng cần thiết khác của bản thân.

(7) Phát triển kỹ năng cá nhân: Phương thức đào tạo theo tín chỉ khuyến khích phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng cá nhân như quản trị công việc, quản lý thời gian, làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề nảy sinh trong công việc và tư duy sáng tạo.

2. Một số hạn chế trong áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện nay

Nhìn lại tiến trình và thực trạng áp dụng đào tạo theo phương thức tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cho thấy những mặt hạn chế, chưa phát huy được hết những ưu thế của phương thức đào tạo tín chỉ, cụ thể như:

(1) Thiếu tính hệ thống, liên thông, đồng bộ và chuẩn hóa giữa các trường và ở từng trường. Mỗi trường áp dụng đào tạo tín chỉ ở mức độ, cách thức không giống nhau. Nhiều trường, chương trình đào tạo chưa được thiết kế và phát triển một cách liên thông và đồng bộ, chuẩn hoá. Đặc điểm của đào tạo tín chỉ là các môn học trong phạm vi một ngành học phải được liên thông; các bậc học trong phạm vi một ngành học có tính liên thông, thiết kế chương trình của nhiều trường không đáp ứng được

yêu cầu này. Cá biệt có những trường đã chuyển sang đào tạo theo tín chỉ hàng chục năm, nhưng mức độ áp dụng tín chỉ mới ở bước đầu, chương trình đào tạo chỉ thay đổi về hình thức, nội dung các học phần cơ bản vẫn như đào tạo niên chế; người học không có nhiều lựa chọn học phần trong chương trình. Điều đó dẫn đến việc sinh viên gặp khó khăn trong việc xây dựng lộ trình học tập và đảm bảo tính liên kết và tích hợp giữa các khóa học. Sự thiếu đồng bộ, thống nhất về chương trình gây khó khăn cho việc chuyển tiếp và công nhận tín chỉ giữa các chương trình đào tạo của trường và giữa các trường với nhau.

(2) Đội ngũ giảng viên còn thiếu và hạn chế về chất lượng khi chuyển sang đào tạo theo phương thức tín chỉ. Việc triển khai phương thức đào tạo tín chỉ đòi hỏi sự thay đổi trong vai trò của giảng viên, từ việc giảng dạy truyền thống sang vai trò của người hướng dẫn và đồng hành trong quá trình học tập của sinh viên. Tuy nhiên, không phải tất cả giảng viên đã được đào tạo và trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để thích nghi với phương thức đào tạo mới này. Nhiều giảng viên vẫn sử dụng các phương pháp giảng dạy cũ, không phù hợp trong đào tạo tín chỉ.

(3) Hạn chế về nguồn lực cán bộ, giảng viên và cơ sở vật chất đối với đào tạo theo phương thức tín chỉ. Một số trường đại học vẫn gặp khó khăn trong việc đáp ứng đủ số lượng, chất lượng giảng viên đáp ứng quy định về điều kiện mở ngành, duy trì ngành; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cũng còn nhiều hạn chế. Trong đào tạo tín chỉ, việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên là một cấu phần trong hoạt động dạy học, song thư viện, hệ thống tài liệu, học liệu của một số trường còn rất hạn chế để đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Điều này ảnh hưởng trực tiếp, làm giảm chất lượng đào tạo sinh viên.

(4) Hạn chế trong các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập. Phương thức đào tạo tín chỉ đòi hỏi sinh viên có khả năng tự chủ và tự học cao, nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc kịp thời trong quá trình học tập là rất quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên nhiều trường chưa quan tâm chú trọng, đảm bảo thực hiện hoạt động này hoặc cũng có thể do hạn chế về nguồn lực cán bộ, giảng viên và các điều kiện đảm bảo khác nên “lực bất tòng tâm”. Khi không được hỗ trợ, tư vấn kịp thời, đầy đủ trong quá trình học tập, sinh viên gặp khó khăn trong việc xây dựng lộ trình học tập và ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả học tập.

(5) Thiếu phương pháp, phương tiện và chuẩn hóa trong kiểm tra - đánh giá. Đặc thù của đào tạo theo tín chỉ là người học được học tập theo các hình thức linh hoạt, đa dạng, do đó đòi hỏi trong kiểm tra - đánh giá phải được thực hiện đồng bộ, đo lường được kết quả học tập của sinh viên tương ứng với các hình thức học tập một cách khách quan, minh bạch và công bằng trong quá trình học tập. Tuy nhiên, thực tế kiểm tra - đánh giá còn thiếu phương pháp phù hợp, phương tiện thực hiện và sự chuẩn hoá trong triển khai.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ thời gian qua ở cơ sở giáo dục đại học bắt nguồn từ một số nguyên nhân chính sau đây:

(1) Trong hoạt động quản lý nhà nước còn thiếu các quy định, hướng dẫn cụ thể đối với các trường về yêu cầu, mức độ chuẩn hoá, tiến độ áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ đối với từng giai đoạn trong lộ trình chuyển đổi từ phương thức đào tạo niên chế sang phương thức đào tạo mới; chưa tạo được chế tài bắt buộc đối với các trường phải tuân thủ yêu cầu liên thông giữa các trường trong đào tạo tín chỉ. Việc sắp xếp danh mục các lĩnh vực đào tạo, nhóm ngành, ngành cũng còn những điểm chưa hợp lý để tăng cường tính liên thông giữa các chương trình, trình độ đào tạo và giữa các trường trong đào tạo tín chỉ; chưa có chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để các trường có cơ sở xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa chương trình đào tạo của mỗi trường, đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các chương trình trong ngành học, bậc học và giữa các trường với nhau.

(2) Ở một số cơ sở giáo dục đại học, việc nhận thức về phương thức đào tạo theo tín chỉ của cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên còn có phần chưa đầy đủ. Một số người vẫn còn lạc hậu trong tư duy giáo dục truyền thống, có tâm lý ngại thay đổi và chưa nhận thức được đúng bản chất, nội dung, đặc điểm, yêu cầu, giá trị và những ưu thế của phương thức đào tạo tín chỉ. Bởi vậy trong thực tiễn triển khai có trở ngại, chậm trễ hoặc chỉ thay đổi về hình thức, không đạt được hiệu quả và chất lượng.

(3) Phương thức quản lý của các cơ sở giáo dục đại học chưa được chú trọng đổi mới, nhìn chung chưa tương xứng, đồng bộ với phương thức quản lý của đào tạo tín chỉ. Việc xây dựng, cập nhật, ban hành các quy chế, quy định đối với đào tạo tín chỉ còn

nhiều bất cập, chưa đồng bộ, chặt chẽ. Hoạt động quản lý còn nhiều khâu nặng về thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm còn hạn chế.

(4) Nhiều cơ sở giáo dục đại học, nhất là các trường công lập chưa tự chủ hoặc mức độ thực hiện tự chủ còn thấp đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế tuyển dụng để tăng cường đội ngũ cán bộ, giảng viên; huy động các nguồn lực đầu tư tài chính đáp ứng nhu cầu nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị, các điều kiện đảm bảo đào tạo tín chỉ.

3. Những vấn đề cần giải quyết để áp dụng hiệu quả hơn phương thức đào tạo tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thời gian tới

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy vai trò cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, người học trong thực hiện phương thức đào tạo tín chỉ.

Như đã nêu ở trên, một trong những hạn chế của các cơ sở giáo dục đại học khi áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ là do nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, người học về phương thức đào tạo tín chỉ có lúc, có nơi chưa được đầy đủ, do đó khi thực hiện thiếu đồng bộ, thiếu triệt để. Để khắc phục hạn chế đó, trong thời gian tới Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có các chương trình khảo sát, đánh giá hiệu quả việc chuyển đổi, áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ ở tất cả cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, có thể tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả thực Nghị quyết Chính phủ về "Đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020", chỉ đạo các trường tổng kết, đánh giá, tổ chức các hội thảo, tọa đàm... để phân tích đánh giá một cách toàn diện đầy đủ tính hiệu quả, những ưu điểm trong triển khai và những hạn chế, bất cập của các trường, đặc biệt là thấy rõ được những thuận lợi, khó khăn trong áp dụng thực hiện phương thức đào tạo tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học, kể cả trường công lập và ngoài công lập. Từ đó có giải pháp đồng bộ, tháo gỡ khó khăn của các trường, nhất là phải xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện trong áp dụng phương thức đào tạo tín chỉ đối với các cơ sở giáo dục đại học hiện nay.

Trên cơ sở đó, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thống nhất tư tưởng và hành động, thực hiện các biện pháp cụ thể để phát huy vai trò cán bộ quản lý, giảng viên, người học ở các cơ sở giáo dục đại học thực hiện hiệu quả phương thức đào tạo tín chỉ trong thời gian tới.

Thứ hai, tăng cường tính hệ thống, đồng bộ, liên thông, liên kết giữa các ngành học, trình độ đào tạo của cơ sở giáo dục đại học và giữa các cơ sở giáo dục đại học với nhau.

Để đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo đại học trong đào tạo tín chỉ, đòi hỏi hoạt động quản lý đối với giáo dục đại học phải tiếp tục được tăng cường, phải thiết lập được hệ thống tiêu chuẩn chung về nội dung, chất lượng và trình độ đào tạo, quy trình tổ chức quản lý đào tạo đối với các trường. Gần đây, việc ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT (ngày 22/6/2021) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, là một căn cứ rất cần thiết để tăng cường quản lý, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ về về mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo; khối lượng đào tạo; cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy và kiểm tra - đánh giá kết quả học tập; đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ; cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu.

Thông tư nêu trên cũng là căn cứ để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các quy định về mở ngành đào tạo, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, liên thông trong đào tạo, các tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo. Đây cũng là căn cứ để cơ sở giáo dục đại học xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xây dựng các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học, công nhận chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác; thực hiện trách nhiệm giải trình về chất lượng. Ngoài ra, Thông tư này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo; các bên liên quan và toàn xã hội giám sát hoạt động và kết quả đào tạo của cơ sở đào tạo.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học cần rà soát, đổi mới các chương trình đào tạo để đảm bảo tuân thủ các quy định về chuẩn chương trình đào tạo; đảm bảo tỷ lệ giống và khác nhau giữa các ngành, chuyên ngành trong cùng một ngành, giữa các ngành trong cùng một nhóm ngành, giữa các trình độ đào tạo, để đảm bảo tính hệ thống, liên thông trong đào tạo tín chỉ của trường; đồng thời, các chương trình đào tạo cần có tính linh hoạt cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và sự phát triển của ngành học,

cho phép sinh viên có cơ hội nhiều hơn trong việc lựa chọn các học phần phù hợp với nguyện vọng và mục tiêu học tập của mình.

Tính đồng bộ, hệ thống, gắn kết trong đào tạo tín chỉ không chỉ thể hiện ở nội dung chương trình đào tạo mà rất cần ở cả khâu tổ chức, quản lý quá trình đào tạo; do đó, với vai trò quản lý nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên thiết lập một hệ sinh thái dữ liệu chung của giáo dục đại học, giúp các trường bộ công cụ và phần mềm quản lý tín chỉ, lịch trình học tập, kết quả kiểm tra - đánh giá và thông tin sinh viên một cách dễ dàng và chính xác. Sinh viên có thể sử dụng hệ thống để tra cứu thông tin, ghi nhận tín chỉ và chuyển tiếp kết quả học tập giữa các cơ sở giáo dục đại học một cách thuận lợi. Hệ thống này cũng giúp cơ quan quản lý giáo dục có cái nhìn tổng quan về quá trình đào tạo và đánh giá chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra - đánh giá; phương thức quản lý đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu phương thức đào tạo tín chỉ.

Phương thức đào tạo tín chỉ đòi hỏi một sự đổi mới căn bản về phương pháp giảng dạy so với đào tạo niên chế. Các cơ sở giáo dục đại học học cần tăng cường bồi dưỡng giảng viên cập nhật phương pháp giảng dạy mới, tích cực, hiện đại và áp dụng hiệu quả vào thực tiễn giảng dạy. Ngoài ra, sử dụng các thiết bị và công nghệ mới trong dạy học cũng là một yếu tố quan trọng. Giảng viên sử dụng các thiết bị công nghệ như máy tính, máy chiếu, màn hình tương tác, phần mềm học trực tuyến và các ứng dụng di động có thể được sử dụng để cung cấp tài liệu, học liệu học tập, thực hiện hoạt động tương tác và tạo điều kiện cho sinh viên tự học. Sử dụng thiết bị công nghệ giúp tăng tính thực tế, sự hấp dẫn và tương tác với sinh viên trong quá trình giảng dạy của giảng viên.

Phương pháp đào tạo tín chỉ cũng đặt ra yêu cầu về đổi mới phương pháp kiểm tra - đánh giá. Các cơ sở giáo dục đại học cần áp dụng các phương pháp kiểm tra - đánh giá mới, phù hợp với đặc thù học phần và đào tạo tín chỉ để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, tin cậy trong đo lường kết quả học tập của sinh viên. Kiểm tra - đánh giá theo phương thức đào tạo tín chỉ của các trường đòi hỏi đánh giá được toàn diện các nhiệm vụ học tập của sinh viên, chú trọng tất cả các khâu kiểm tra - đánh giá, nhất là đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; đánh giá thường xuyên

trong suốt quá trình học; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra - đánh; đồng thời cần được áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hoá trong kiểm tra - đánh giá để đảm bảo tính khách quan.

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học phù hợp với yêu cầu đào tạo tín chỉ. Các trường cần rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy chế, quy định về đào tạo tín chỉ, đảm bảo tính chặt chẽ, khoa học; đổi mới công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, cần thay đổi phương thức xây dựng kế hoạch đào tạo, tạo sự chủ động và cơ hội lựa chọn học phần cho sinh viên. Thay vì áp đặt kế hoạch đào tạo cố định, cần tạo được sự linh hoạt để sinh viên có thể tùy chọn, chủ động kế hoạch học tập phù hợp với lộ trình và mục tiêu cá nhân. Việc cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng về kế hoạch đào tạo tổng thể của chương trình đào tạo, khoá học; việc chủ động lựa chọn, đăng ký môn học của sinh viên; mục tiêu, yêu cầu của các môn học... là rất cần thiết đối với sinh viên. Đặc biệt là hệ thống phần mềm, công nghệ thông tin của trường phải hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong quản lý, theo dõi kế hoạch học tập của mình. Bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin, quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, càng đòi hỏi hoạt động quản lý đào tạo của các trường phải có những đổi mới.

Thứ tư, tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; đầu tư các nguồn lực tài chính, điều kiện cơ sở vật chất và các trang thiết bị, kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tín chỉ của các cơ sở giáo dục đại học.

Đào tạo theo phương thức tín chỉ, trước hết đặt ra các yêu cầu phải đáp ứng về đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ cả về số lượng và chất lượng. Việc có đủ số lượng cán bộ, giảng viên để đảm nhận công tác giảng dạy, hướng dẫn và đánh giá sinh viên theo phương thức tín chỉ sẽ giúp đảm bảo khối lượng công việc được phân chia hợp lý và tránh quá tải cho mỗi cá nhân. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần có kiến thức chuyên môn sâu về lĩnh vực mình giảng dạy. Các cơ sở giáo dục đại học cần chú trọng đến việc đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo tín chỉ.

Điều này có thể bao gồm việc tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp tài liệu và nguồn tư liệu phù hợp để cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy mới. Cần thiết lập và duy trì có hiệu quả hệ thống đánh giá và phản hồi chặt

chế giữa sinh viên và cán bộ, giảng viên. Sinh viên nên có cơ hội đánh giá và đưa ra phản hồi về phương pháp giảng dạy, tư duy, hỗ trợ từ cán bộ, giảng viên để giúp cải thiện và tăng cường hiệu quả đào tạo. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia vào hoạt động nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực đào tạo tín chỉ. Nghiên cứu và ứng dụng sẽ giúp cải thiện phương pháp giảng dạy, đồng thời mang lại những kiến thức mới và áp dụng thực tế vào quá trình đào tạo.

Cùng với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nguồn lực tài chính để đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất cũng phải được đáp ứng trong đào tạo tín chỉ, đặc biệt là kỹ thuật - công nghệ, bởi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động rất mạnh mẽ, làm thay đổi mọi phương thức hoạt động của các lĩnh vực, ngành nghề. Đối với trường đại học cần được thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng hiệu quả kỹ thuật - công nghệ trong tổ chức, quản lý đào tạo tín chỉ. Bởi vậy những vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách liên quan đến huy động nguồn lực tài chính, hiện đại hoá cơ sở vật chất các trường, nhất là các trường đại học công lập hiện nay cần được tháo gỡ kịp thời để đào tạo theo phương thức tín chỉ ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam phát huy được những lợi thế, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo

- (1) Nghị quyết Chính phủ số 14/2005/NQ-CP, ngày 2/11/2005 về Đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.
- (2) Nghị quyết Chính phủ số 14/2005/NQ-CP, ngày 2/11/2005 về Đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.
- (3) Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.